CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Ngày 31/12/2024	7,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.5%	**-6.0%**	**13.0%**

DT thuần
Q4/24
73.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 32.6| 79.7%
YoY: ▲ 26.5| 56.4%

LN thuần
Q4/24
12.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.2| 301%
YoY: ▲ 20.0| 256%

LN sau thuế
Q4/24
11.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.1| 273%
YoY: ▲ 30.9| 159%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
18.4%
YoY: +/-▲ 11.9%

ROE
2024
-2.1%
YoY: +/-▲ 3.7%

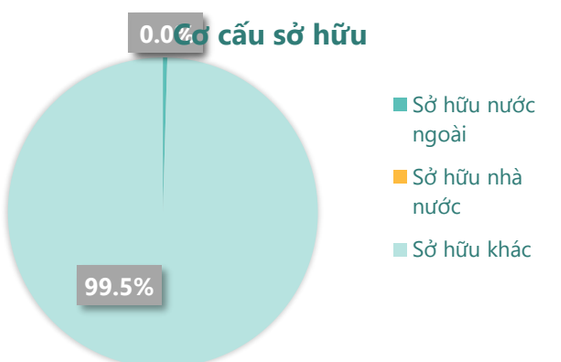
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,700 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	656
Số lượng CPLH (CP)	84,083,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	688,963
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	2.15
EPS	-232
P/E	-33.6

DT thuần
2024
210
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0| 8.5%

LN thuần
2024
-15.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.1| 61.4%

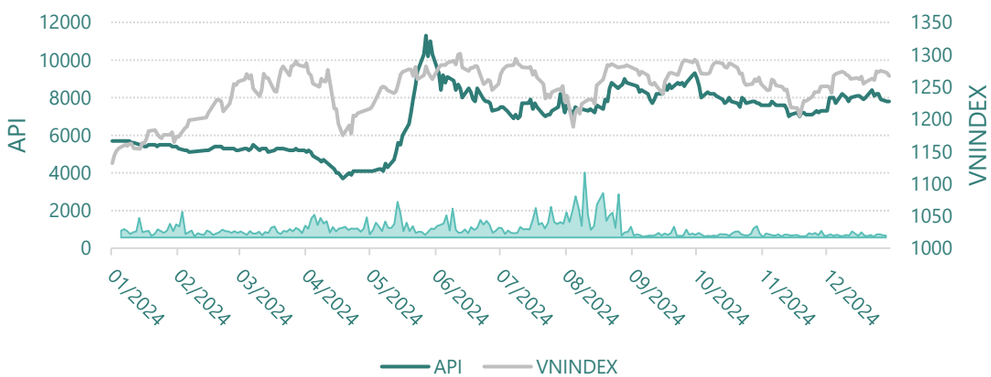
LN sau thuế
2024
-19.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.4| 63.9%

Cơ cấu sở hữu

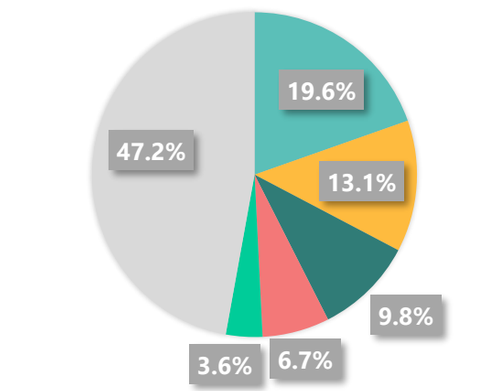


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



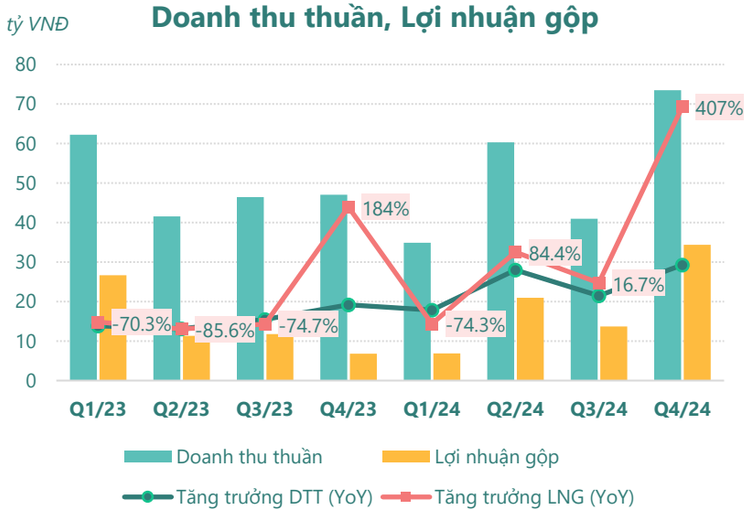
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

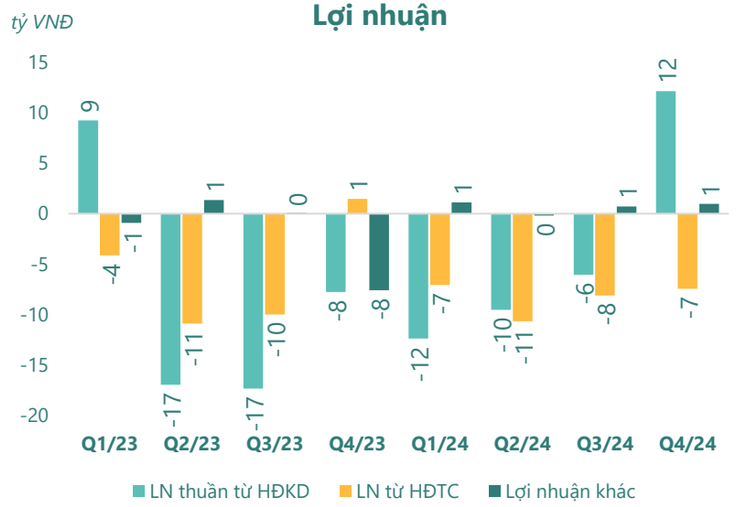
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



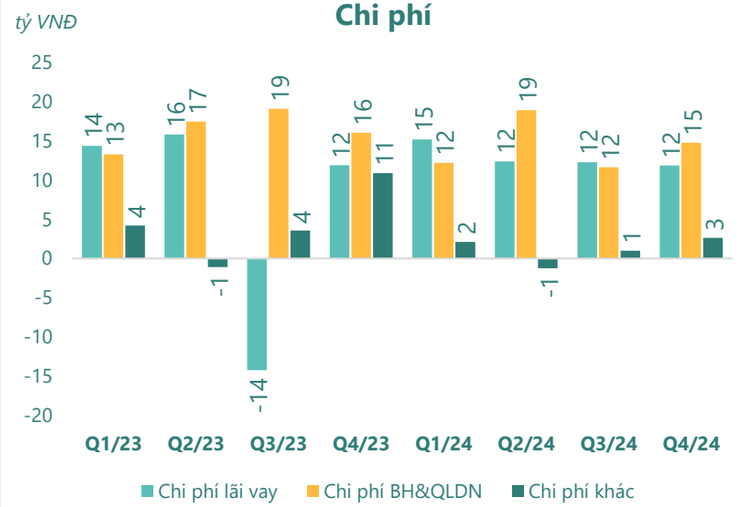
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



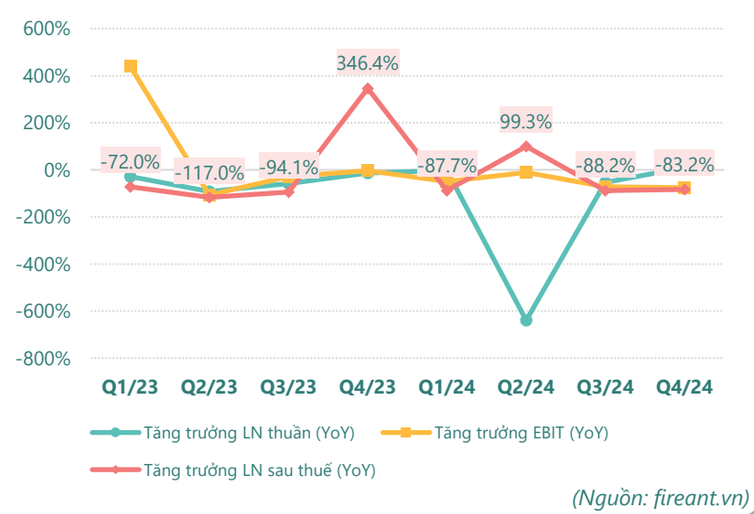
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



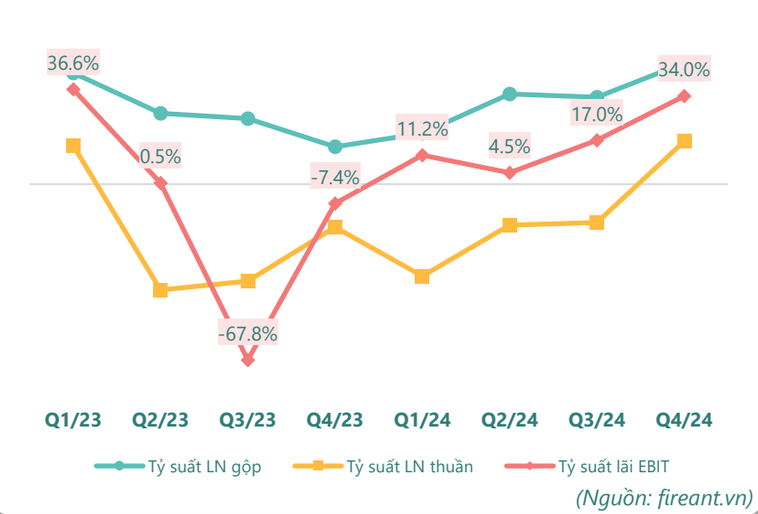
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



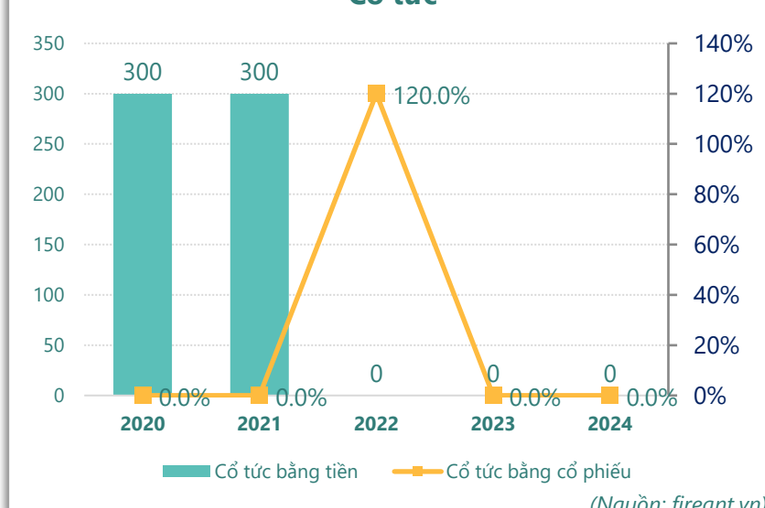
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

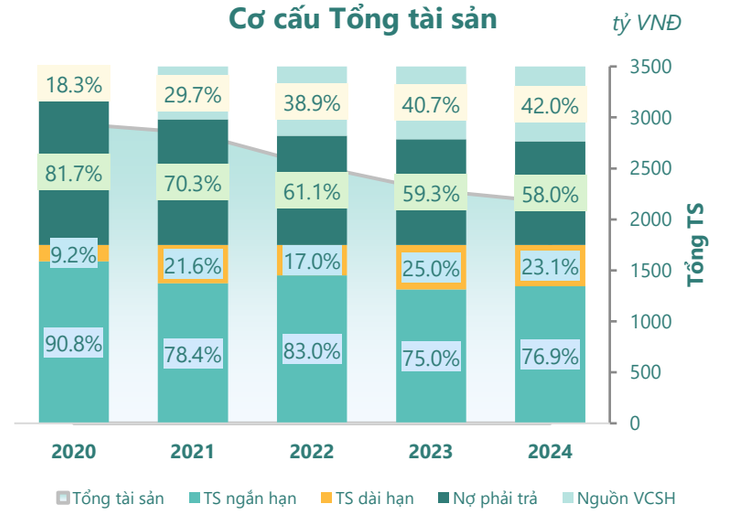
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

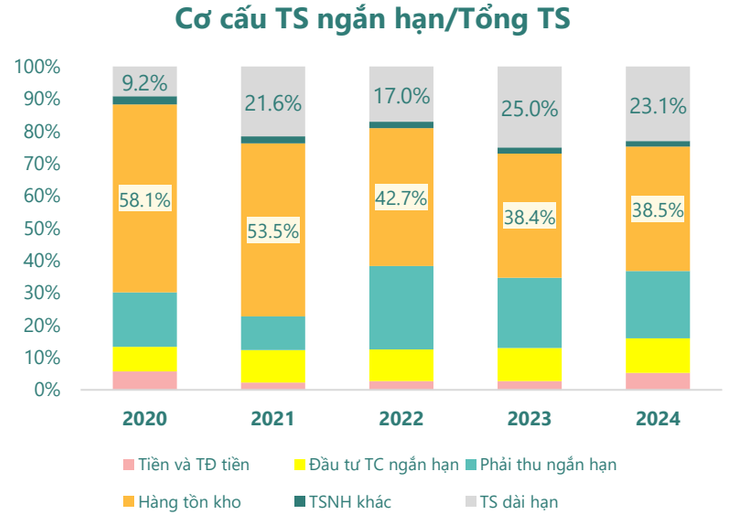
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



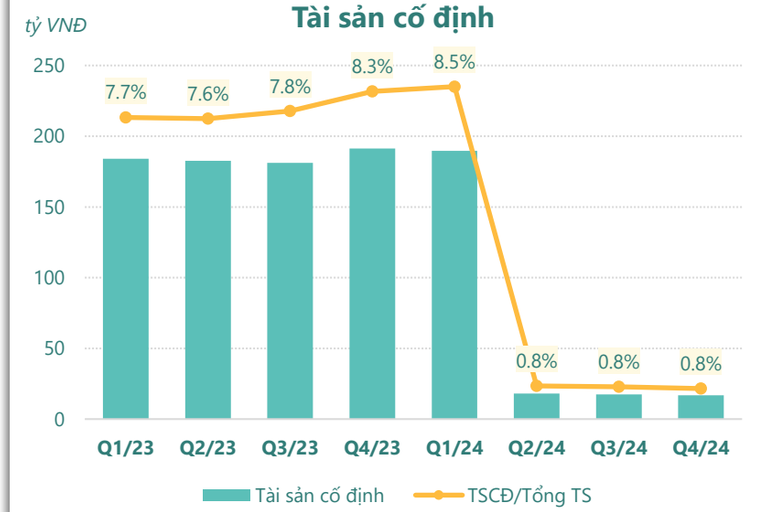
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



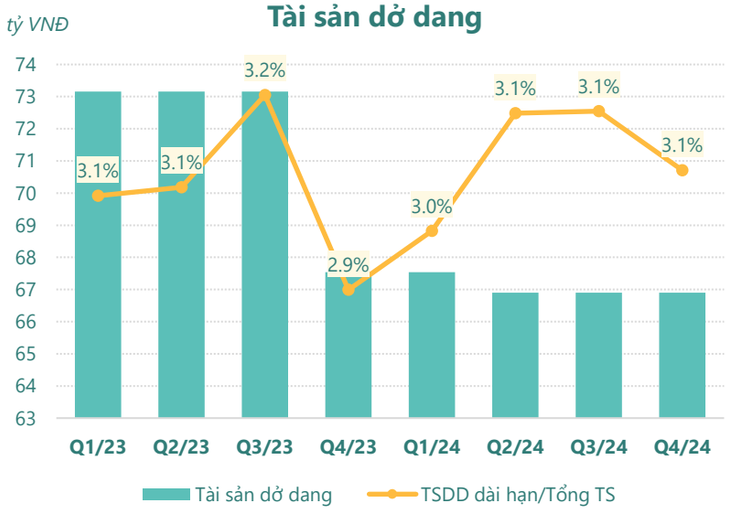
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



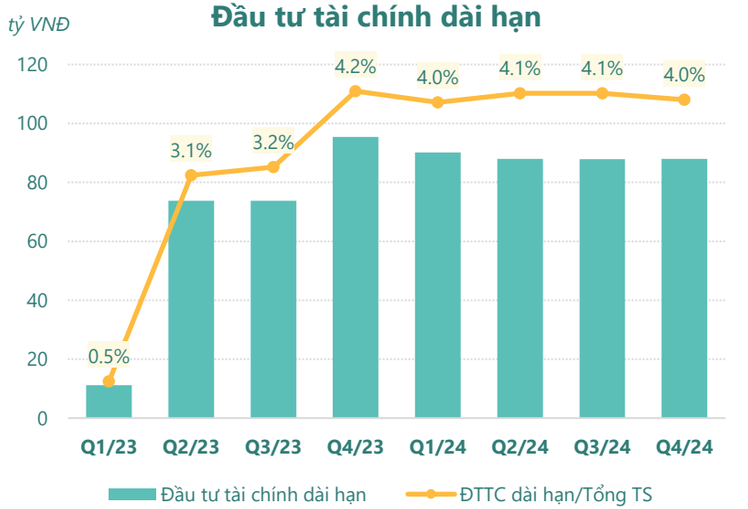
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



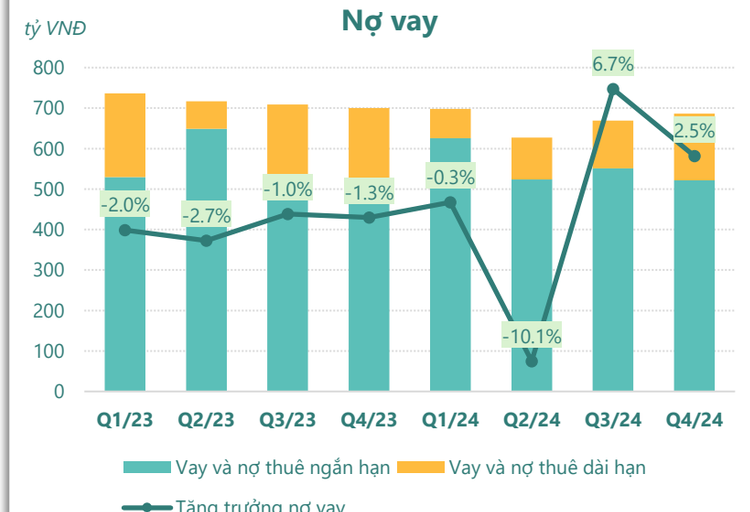
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

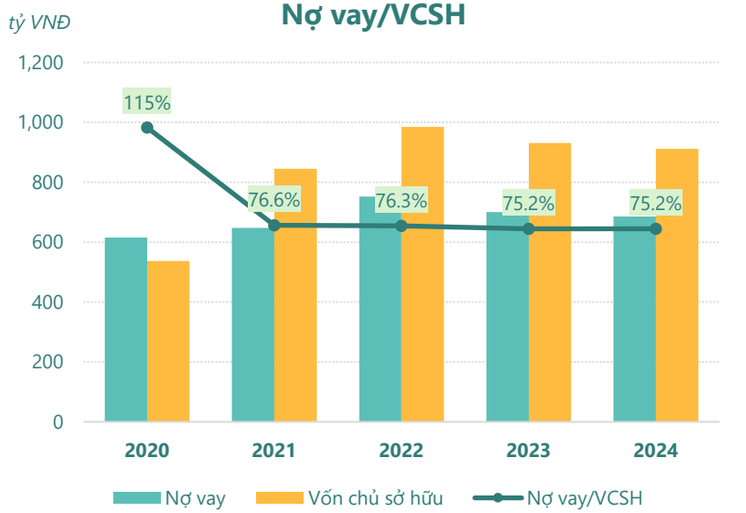
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

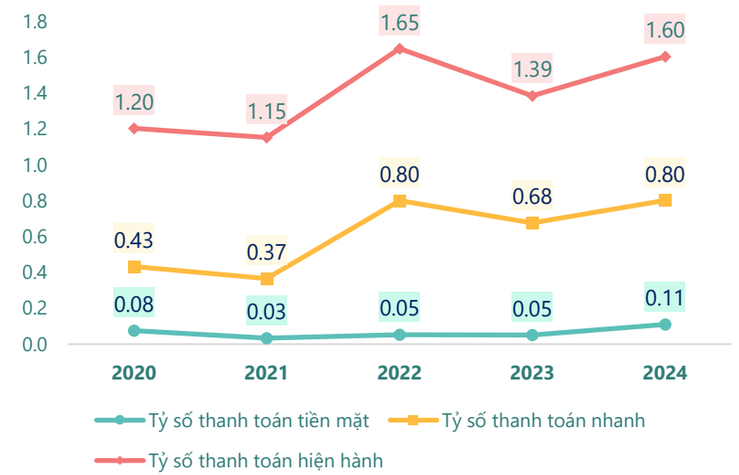
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



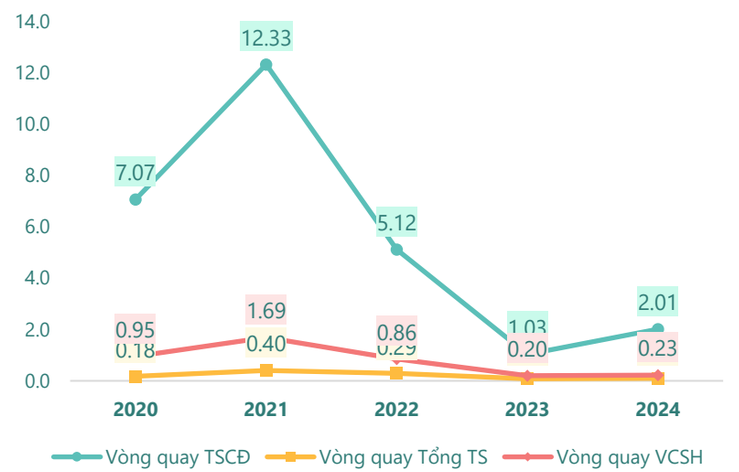
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



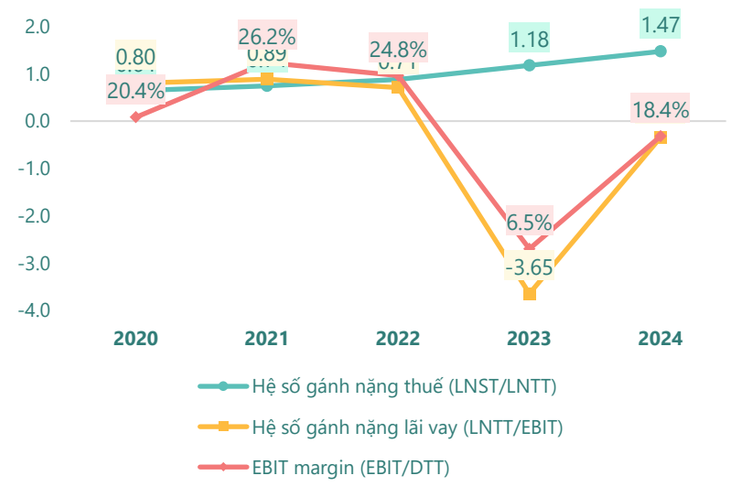
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



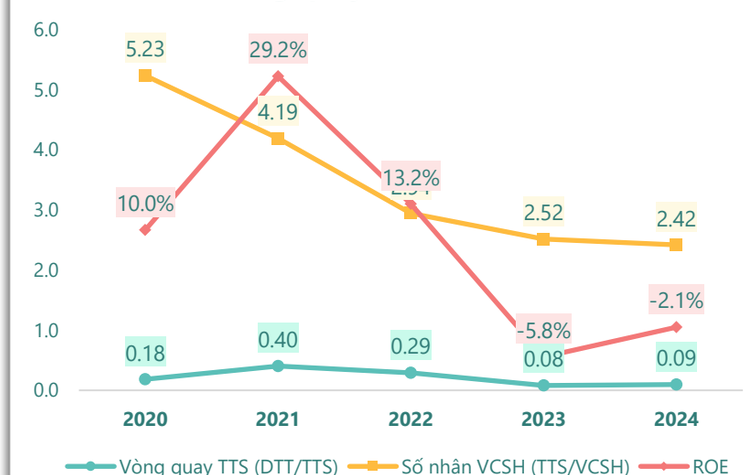
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



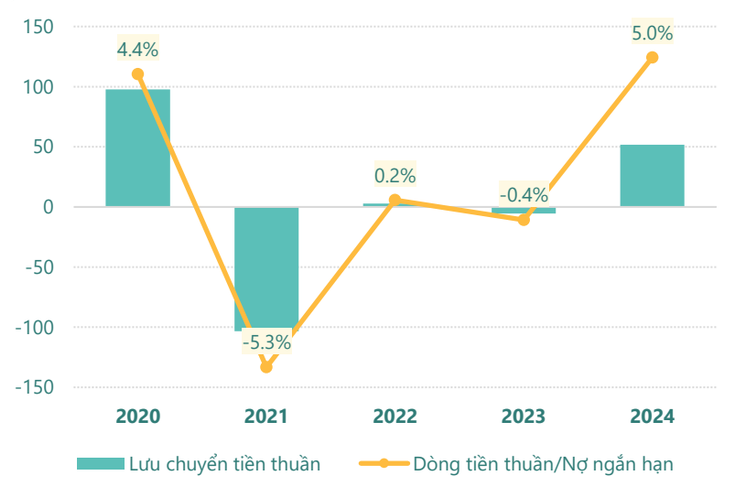
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**73.5**	**47.0**	**56.4%**	**210**	**193**	**8.5%**
Giá vốn hàng bán	39.1	40.2	-2.7%	134	137	-2.1%
Lợi nhuận gộp	34.4	6.78	407%	75.9	56.6	34.1%
Doanh thu HĐTC	6.23	20.6	-69.8%	24.9	49.2	-49.5%
Chi phí TC	13.7	19.1	-28.4%	58.1	81.0	-28.2%
Chi phí lãi vay	11.9	11.9	-0.2%	51.7	58.3	-11.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.93**	**0.49**	**-291%**
Chi phí bán hàng	7.24	4.40	64.7%	24.6	23.8	3.7%
Chi phí QLDN	**7.51**	**11.6**	**-35.3%**	**32.8**	**42.4**	**-22.6%**
LN thuần từ HĐKD	12.2	-7.78	256%	-15.8	-40.9	61.4%
Lợi nhuận khác	**0.98**	**-7.59**	**113%**	**2.64**	**-4.85**	**154%**
LN trước thuế	13.1	-15.4	185%	-13.2	-45.8	71.2%
Lợi nhuận sau thuế	**11.5**	**-19.4**	**159%**	**-19.4**	**-53.8**	**63.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.4**	**-21.4**	**153%**	**-19.5**	**-55.8**	**65.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.2	50.2	-14.2	0.19	-22.0	45.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.2	-72.1	-11.7	57.7	2.26	8.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.69	-8.92	-2.21	-70.7	41.9	17.0
Tiền đầu kỳ	118	90.4	62.6	34.5	21.7	43.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-27.7**	**-30.8**	**-28.1**	**-12.8**	**22.1**	**70.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	90.4	59.6	34.5	21.7	43.8	114

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,172**	**2,286**	**-5.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,670	1,714	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	114	62.6	82.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	233	234	-0.6%
Phải thu ngắn hạn	451	497	-9.2%
Hàng tồn kho	835	877	-4.8%
Tài sản ngắn hạn khác	37.1	43.6	-14.8%
Tài sản dài hạn	**502**	**572**	**-12.3%**
Phải thu dài hạn	71.4	79.0	-9.6%
Tài sản cố định	16.9	191	-91.2%
Bất động sản đầu tư	235	106	122%
Tài sản dở dang	66.9	67.5	-0.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	87.9	90.1	-2.4%
Tài sản dài hạn khác	**23.8**	**38.0**	**-37.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,260	1,355	-7.0%
Nợ ngắn hạn	**1,041**	**1,237**	**-15.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	521	631	-17.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	87.7	105	-16.7%
Nợ dài hạn	219	118	86.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	165	69.5	137%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**912**	**931**	**-2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**912**	**931**	**-2.1%**
Vốn điều lệ	841	841	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)